TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 499/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Luyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Công Nhân;

2. Ông Ngô Hữu Quang.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hoài Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 1248/50/2 Đường H, Khu phố 5, phường T, Quận F, Thành phố H. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Đặng Quốc H1, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 1248/50/2 đường H, Khu phố 5, phường T, Quận F, Thành phố H. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H trình bày:

Bà và ông H1 qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Tr, tỉnh T (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 56/2006, quyển số 01, đăng kí ngày 06/6/2006). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do từ năm 2017 ông H1 không chung thủy, thiếu trách

nhiệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con. Bà đã nhiều lần khuyên ông H1 từ bỏ để chăm lo cho vợ con nhưng ông H1 vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 08/2021 đến nay, mặc dù ở chung nhà nhưng cả hai không ai quan tâm, chăm sóc gì đến cuộc sống của nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, tiếp tục quan hệ hôn nhân cũng không mang đến hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Hiếu.

- Về con chung: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Đặng Quốc H1 có 02 (Hai) con chung là Đặng Quốc N (Giới tính: nam), sinh ngày 14/3/2008 và Đặng Ngọc Khả A (Giới tính: nữ), sinh ngày 28/9/2015.

Sau khi ly hôn bà H đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, không đề nghị ông H cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H xác nhận không có.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa ông Đặng Quốc H1 vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; Về xác định tư cách tham gia tố tụng; Xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; Về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

* Về nội dung:

- Bà H và ông H1 kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Tr, tỉnh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do hai bên mâu thuẫn cả hai không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau về mọi mặt trong cuộc sống; Đồng thời do ông H1 không chung thủy, thiếu trách nhiệm với gia đình và vợ con. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, các bên đã sống ly thân không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được. Ông H1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ thể hiện sự bỏ mặc cuộc hôn nhân, không muốn níu kéo. Vì vậy, yêu cầu của bà H được ly hôn với ông Hiếu là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Nhận thấy, hiện tại hai trẻ đang sống cùng mẹ là bà H, hai trẻ còn nhỏ cần được mẹ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đồng thời nhằm đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý cũng như quyền về mọi mặt, nên cần giao bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung; bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H yêu cầu khởi kiện ly hôn với bị đơn ông Đặng Quốc H1 và ông H1 đang cư trú tại Quận 7; Đây là tranh chấp về ly hôn là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ

Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại Khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật và thuộc trường hợp đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Hiếu theo Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Đặng Quốc H1 đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên ông H1 phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[1.4] Nguyên đơn là bà Trần Thị Ngọc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Đặng Quốc H1 tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn vào năm 2006. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2006, quyển số 01đăng ký ngày 06/6/2006 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Tr, tỉnh T có đủ cơ sở để xác định bà H và ông H1 là vợ chồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Về yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Quốc H1 của bà Trần Thị Ngọc H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Đặng Quốc H1 không nộp bản tự khai, không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia hòa giải, không có các biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng thể hiện sự thiếu quan tâm đến việc xây dựng gia đình, bỏ mặc quan hệ hôn nhân với bà H. Mặt khác, với những mâu thuẫn do bà H trình bày thì quan hệ hôn nhân giữa

bà H và ông H1 không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H1 cũng chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp lý sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên việc bà yêu cầu ly hôn với ông H1 là có căn cứ chấp nhận phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

- Về con chung: bà H và ông H1 có 02 (hai) con chung là Đặng Quốc N (Giới tính: nam), sinh ngày 14/3/2008 và Đặng Ngọc Khả A (Giới tính: nữ), sinh ngày 28/9/2015.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện hai con chung còn nhỏ đang sống với bà H, bà H là người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ từ nhỏ. Bà H có công việc ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung và xét cần ổn định tâm lý cho trẻ nên giao con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao trẻ Đặng Quốc N và Đặng Ngọc Khả A cho bà Trần Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hàng tháng: tại đơn khởi kiện ly hôn bà H yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ngọc H xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc H xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[4] Quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Đặng Quốc H1 có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 2 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

2.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Ngọc H và ông Đặng Quốc H1 (Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2006, quyển số 01, đăng ký ngày 06/6/2006 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Tr, tỉnh T).

2.2. Về con chung: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Đặng Quốc H1 có 02 con chung họ tên là Đặng Quốc N (Giới tính: nam), sinh ngày 14/3/2008 và Đặng Ngọc Khả A (Giới tính: nữ), sinh ngày 28/9/2015. Giao hai con chung là trẻ Đặng Quốc N và Đặng Ngọc Khả A cho bà Trần Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Ngọc H về việc không yêu cầu ông Đặng Quốc H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đặng Quốc H1 có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Không có.

2.5. Án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0014028 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận7;
- Chi cục THA DS Quận 7;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Thu).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Luyến